

HIỆP ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CÓ HIỆU LỰC CHUNG (CEPT)

(Đã có sửa đổi và bổ sung theo Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) cho Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) ngày 15/12/1995)

Quyết tâm hợp tác hơn nữa trong sự thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực thông qua tăng cường tự do hoá thương mại và đầu tư trong ASEAN nhằm mục tiêu hình thành Khu vực Thương mại tự do ASEAN thông qua Chương trình Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT); Các bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa

Nhằm các mục đích của Hiệp định này:

1. “CEPT” có nghĩa là Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung, và là mức thuế có hiệu lực dành ưu đãi cho ASEAN, được áp dụng cho các loại hàng hoá có xuất xứ từ các quốc gia thành viên ASEAN và đã được xác định để đưa vào Chương trình CEPT theo Điều 2(5) và 3;
2. “Hàng rào phi thuế quan” có nghĩa là các biện pháp khác với thuế quan, trên thực tế ngăn cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu các sản phẩm giữa các Quốc gia thành viên;
3. “Hạn chế định lượng” có nghĩa là các cấm đoán hoặc hạn chế thương mại với các Quốc gia thành viên khác, dù thực hiện bằng hạn ngạch, giấy phép hoặc các biện pháp có tính chất tương tự, kể cả các biện pháp và các yêu cầu hành chính hạn chế thương mại;
4. “Hạn chế ngoại hối” có nghĩa là các biện pháp được các Quốc gia thành viên sử dụng dưới hình thức hạn chế hoặc các thủ tục hành chính khác về ngoại tệ gây hạn chế cho thương mại;
5. “PTA” có nghĩa là Thỏa thuận Ưu đãi thương mại của ASEAN được quy định trong các Hiệp định ký tại Ma-ni-la ngày 24/2/1977 và trong Nghị định thư về tăng cường mở rộng Ưu đãi thuế quan theo Thỏa thuận ưu đãi thương mại của ASEAN (PTA) ký tại Ma-ni-la ngày 15/12/1987;
6. “Danh mục loại trừ” có nghĩa là danh mục liệt kê các sản phẩm được loại ra khỏi diện áp dụng ưu đãi thuế quan trong Chương trình CEPT;
7. “Sản phẩm nông nghiệp” có nghĩa là:
 - (a) Nguyên liệu nông nghiệp thô / các sản phẩm chưa chế biến được kê trong các Chương 1 đến 24 của Hệ thống hài hoà (HS) và các nguyên liệu nông

nghiệp thô/các sản phẩm chưa chế biến tương tự được nêu lên trong các chương có liên quan khác của Hệ thống hài hoà; và

- (b) Các sản phẩm đã qua sơ chế nhưng hình thức không thay đổi nhiều so với sản phẩm gốc.

Điều 2.

Các điều khoản chung

1. Tất cả các Quốc gia thành viên sẽ tham gia Chương trình CEPT.
2. Việc xác định các sản phẩm để đưa vào Chương trình CEPT sẽ dựa trên cơ sở nhóm sản phẩm, tức là ở mức HS 6 chữ số.
3. Cho phép loại trừ không đưa vào áp dụng một số sản phẩm cụ thể ở mức HS 8/9 chữ số đối với những quốc gia thành viên tạm thời chưa sẵn sàng đưa các sản phẩm đó vào Chương trình CEPT. Theo qui định tại Điều 1 (3) của Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN, một Quốc gia thành viên được phép loại trừ các sản phẩm cụ thể mang tính nhạy cảm đối với Quốc gia Thành viên đó ra khỏi Chương trình CEPT, nhưng phải từ bỏ các ưu đãi đối với những sản phẩm đó theo quy định của Hiệp định này. Những sản phẩm loại trừ tạm thời đó sẽ dần dần phải được đưa vào Chương trình CEPT trước ngày 1/1/2000.
4. Một sản phẩm được coi là có xuất xứ từ các Quốc gia thành viên ASEAN nếu trong thành phần của sản phẩm đó có chứa ít nhất 40% hàm lượng có xuất xứ từ bất cứ một Quốc gia thành viên ASEAN nào.
5. Tất cả các sản phẩm chế tạo, bao gồm hàng tư liệu sản xuất và nông sản chế biến sẽ nằm trong Chương trình CEPT. Những sản phẩm này sẽ nghiêm nhiên được đưa vào Chương trình cắt giảm thuế quan theo qui định tại Điều 4 của Hiệp định. Đối với những sản phẩm thuộc diện PTA, sẽ áp dụng chương trình cắt giảm thuế quan quy định tại Điều 4A của Hiệp định này, có xem xét tới mức thuế quan sau khi đã áp dụng mức ưu đãi (MOP) kể từ ngày 31/12/1992.
6. Tất cả các sản phẩm thuộc diện PTA không nằm trong danh mục cắt giảm thuế theo Chương trình CEPT thì sẽ tiếp tục được hưởng MOP hiện có tính từ ngày 31/12/1992.
7. Các Quốc gia thành viên đã thực hiện cắt giảm thuế từ 20% và thấp hơn xuống 0-5% đối với các sản phẩm đã được thoả thuận, mặc dù đã được hưởng quy chế tối huệ quốc (MFN), vẫn sẽ được hưởng các ưu đãi. Các Quốc gia thành viên có mức thuế quan ở mức thuế MFN là 0-5%, sẽ được coi là đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hiệp định này và cũng được hưởng các ưu đãi.

Điều 3.

Phạm vi sản phẩm

Hiệp định này được áp dụng đối với mọi sản phẩm chế tạo, kể cả sản phẩm tư liệu sản xuất, và *nông sản*.

Điều 4.

Chương trình cắt giảm thuế quan và việc hưởng ưu đãi

A. Lịch trình cắt giảm thuế quan

1. Các Quốc gia thành viên thoả thuận về lịch trình cắt giảm thuế quan ưu đãi có hiệu lực như sau:
 - (a) Việc cắt giảm các mức thuế quan hiện hành xuống 20% sẽ được công bố vào lúc bắt đầu thực hiện chương trình. Khuyến khích các Quốc gia thành viên áp dụng mức cắt giảm hàng năm theo công thức $(X-20)\%/5$, trong đó X là mức thuế quan hiện hành của mỗi Quốc gia thành viên.
 - (b) Việc cắt giảm tiếp mức thuế từ 20% hoặc thấp hơn sẽ được thực hiện trong vòng 5 năm. Mức cắt giảm tối thiểu cho mỗi lần cắt giảm là 5% lượng phải cắt giảm. Chương trình cắt giảm thuế quan sẽ do từng Quốc gia thành viên quyết định và được thông báo khi bắt đầu chương trình.
 - (c) Đối với các sản phẩm có mức thuế hiện hành là 20% hoặc thấp hơn vào ngày 1/1/1993, các Quốc gia thành viên sẽ quyết định chương trình cắt giảm thuế quan, và thông báo khi bắt đầu chương trình về lịch trình cắt giảm thuế.
2. Các lịch trình cắt giảm thuế quan trên đây không ngăn cản các Quốc gia thành viên cắt giảm ngay lập tức mức thuế quan của mình xuống còn 0-5% hoặc áp dụng một lịch trình đầy nhanh việc cắt giảm thuế quan.

B. Vấn đề hưởng ưu đãi

Căn cứ theo Điều 4(A) (1b) và 4(A) (1c) của Hiệp định này, các sản phẩm đã đạt tới hoặc đang có mức thuế là 20% hoặc thấp hơn, sẽ miễn nhiên được hưởng các ưu đãi.

Điều 5.

Các điều khoản khác

A. Các hạn chế định lượng và các hàng rào phi thuế quan

1. Các Quốc gia thành viên sẽ loại bỏ tất cả các hạn chế định lượng đối với những sản phẩm trong Chương trình CEPT sau khi các sản phẩm đó được hưởng các ưu đãi áp dụng cho những sản phẩm đó.
2. Các Quốc gia thành viên sẽ dần dần xoá bỏ các hàng rào phi thuế quan khác trong thời hạn 5 năm sau khi được hưởng các ưu đãi dành cho những sản phẩm đó.

B. Các hạn chế về ngoại hối

Các Quốc gia thành viên sẽ miễn trừ các hạn chế ngoại hối liên quan tới việc thanh toán cho các sản phẩm trong Chương trình CEPT cũng như đối với việc chuyển các khoản thanh toán đó về nước mà không gây phương hại tới các quyền của mình theo quy định tại điều XVIII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) và các quy định có liên quan theo Điều khoản thoả thuận của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).

C. Các lĩnh vực hợp tác khác

Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét các biện pháp khác về hợp tác trong các lĩnh vực liên quan đến phạm vi biên giới và ngoài biên giới nhằm bổ sung và hỗ trợ cho tự do hoá thương mại. Những biện pháp này có thể bao gồm, ngoài các biện pháp khác, việc hài hoà hoá tiêu chuẩn, công nhận lẫn nhau kết quả kiểm chứng và các giấy chứng nhận hàng hoá, xoá bỏ các hàng rào đối với đầu tư nước ngoài, tham khảo ý kiến về kinh tế vĩ mô, áp dụng các quy tắc cạnh tranh bình đẳng và khuyến khích đầu tư vốn.

D. Duy trì các ưu đãi

Các Quốc gia thành viên sẽ không xoá bỏ hoặc gây tổn hại tới bất cứ ưu đãi nào đã được thoả thuận thông qua việc áp dụng các phương pháp xác định trị giá hải quan, các khoản thu mới hoặc các biện pháp hạn chế thương mại khác, trừ trường hợp được quy định theo Hiệp định này.

Điều 6.

Các biện pháp khẩn cấp

1. Nếu như, do việc thực hiện Hiệp định này, việc nhập khẩu một sản phẩm cụ thể được phép theo Chương trình CEPT tăng lên gây ra hoặc đe dọa gây ra sự tổn hại nghiêm trọng tới ngành sản xuất sản phẩm tương tự hoặc trực tiếp cạnh tranh tại Quốc gia thành viên nhập khẩu sản phẩm đó thì Quốc gia thành viên này có thể, trong phạm vi và trong một thời gian cần thiết để ngăn chặn hoặc giải quyết sự tổn hại đó, có thể tạm thời đình chỉ áp dụng các ưu đãi mà không có sự phân biệt đối xử, theo quy định tại Điều 6(3) của Hiệp định này. Việc tạm đình chỉ áp dụng ưu đãi đó phải phù hợp với quy định của GATT.
2. Một Quốc gia thành viên nếu thấy cần phải áp dụng hoặc tăng cường các biện pháp hạn chế định lượng hay bất kỳ biện pháp nào khác để hạn chế nhập khẩu nhằm mục đích ngăn chặn nguy cơ hoặc chấm dứt sự giảm sút nghiêm trọng dự trữ tiền tệ của mình, có thể được làm việc đó theo phương cách bảo đảm các giá trị của các ưu đãi đã được thoả thuận, không làm phương hại đến các nghĩa vụ quốc tế hiện có.
3. Trong trường hợp áp dụng các biện pháp khẩn cấp theo điều này, cần thông báo ngay các biện pháp đó cho Hội đồng được đề cập tới tại Điều 7 của Hiệp định này, và các biện pháp đó có thể sẽ là chủ đề tham khảo ý kiến như quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

Điều 7.

Tổ chức thể chế

1. Nhằm các mục đích của Hiệp định này, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) sẽ thành lập một Hội đồng cấp Bộ trưởng, mỗi Quốc gia thành viên được chỉ định một người và Tổng Thư ký ASEAN tham gia Hội đồng. Ban Thư ký ASEAN sẽ hỗ trợ cho Hội đồng cấp Bộ trưởng trong việc theo dõi, điều phối và kiểm điểm việc thực hiện Hiệp định này, và giúp AEM trong tất cả những vấn đề có liên quan. Trong khi

thực hiện các chức năng của mình, Hội đồng cấp Bộ trưởng cũng sẽ nhận được sự hỗ trợ của Hội nghị các quan chức kinh tế cao cấp (SEOM).

2. Các Quốc gia thành viên có các thoả thuận song phương về cắt giảm thuế quan theo Điều 4 của Hiệp định này sẽ phải thông báo cho tất cả các Quốc gia thành viên khác và cho Ban Thư ký ASEAN về các thoả thuận đó.
3. Ban Thư ký ASEAN sẽ theo dõi và báo cáo cho SEOM về việc thực hiện Hiệp định này theo Điều III (2) (8) của Hiệp định thành lập Ban Thư ký ASEAN. Các Quốc gia thành viên sẽ hợp tác với Ban Thư ký ASEAN trong việc thực thi các nhiệm vụ của mình.

Điều 8.

Tham khảo ý kiến

1. Các Quốc gia thành viên sẽ dành mọi cơ hội đầy đủ cho việc tham khảo ý kiến về bất cứ khiếu nại nào của một Quốc gia thành viên về bất kỳ vấn đề nào có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hiệp định này. Hội đồng được đề cập tới tại Điều 7 của Hiệp định này có thể xin ý kiến chỉ đạo của AEM trong trường hợp không thể tìm ra một giải pháp thoả đáng trong các cuộc tham khảo ý kiến trước đó.
2. Các Quốc gia thành viên nếu cho rằng một Quốc gia thành viên khác không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình, dẫn tới việc xoá bỏ hoặc làm suy giảm các lợi ích mà họ được hưởng, có thể khiếu nại hoặc đề nghị với Quốc gia thành viên đó nhằm đạt được sự điều chỉnh thoả đáng cho vấn đề, và Quốc gia thành viên này cần xem xét thoả đáng khiếu nại hoặc đề nghị nói trên.
3. Mọi bất đồng giữa các Quốc gia thành viên trong việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết trên tinh thần hoà giải hữu nghị đến mức cao nhất giữa các bên có liên quan. Trong trường hợp không giải quyết được một cách hữu nghị, vấn đề đó sẽ được trình lên Hội đồng đã được đề cập tại Điều 7 của Hiệp định và nếu cần thiết, lên AEM.

Điều 9.

Kết nạp thành viên mới và những loại trừ chung

- A. Các thành viên mới của ASEAN sẽ gia nhập Hiệp định này với các điều khoản và điều kiện phù hợp với Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN (1992) và Hiệp định này, và đã được thống nhất giữa các thành viên mới và các thành viên cũ của ASEAN.
- B. Không có điều khoản nào trong Hiệp định này ngăn cản bất kỳ Quốc gia thành viên nào tiến hành các hành động và áp dụng các biện pháp được cho là cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ đạo đức xã hội, bảo vệ sức khoẻ của con người và động thực vật, bảo vệ các tác phẩm có giá trị nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ học.

Điều 10.

Các điều khoản cuối cùng

1. Chính phủ của các Quốc gia thành viên cam kết áp dụng các biện pháp thích hợp để thực hiện các nghĩa vụ đã được thoả thuận theo Hiệp định này.
2. Bất kỳ sự sửa đổi nào đối với Hiệp định này sẽ được thực hiện trên nguyên tắc nhất trí và sẽ có hiệu lực khi tất cả các Quốc gia thành viên chấp thuận,
3. Hiệp định này có hiệu lực kể từ khi ký kết
4. Hiệp định này sẽ được Tổng Thư ký của Ban thư ký ASEAN lưu chiếu và Tổng Thư ký sẽ nhanh chóng chuyển tới từng Quốc gia thành viên bản sao có xác nhận.
5. Không có một bảo lưu nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được các Chính phủ của mình uỷ quyền, đã ký Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) cho Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA).